TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 812/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 09/11/2018.
V/v tranh chấp: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tú

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Nguyễn Thị Lưu Ly.

2. Bà: Vũ Thị Hiệp.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Xuân Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận 6 tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 339/2018/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp "Ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 445/2018/QĐXX-ST ngày 28 tháng 9 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2018/QĐST-HPT ngày 23/10/2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trần Thị Kim Y, sinh năm 1987.
Địa chỉ: số 235 Đường T, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: số 84 đường Đ, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông: Trần Ngọc T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: số 235 Đường T, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Y, ông T đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 14/5/2018; Bản tự khai ngày 06/6/2018, nguyên

đơn là bà Trần Thị Kim Y trình bày:

Bà và ông Trần Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 104 quyển số 01-2008 ngày 19/7/2008).

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do năm 2010 ông T có tình cảm với người phụ nữ khác, bà đã chấp nhận tha thứ để hàn gắn tình cảm vợ chồng, nhưng năm 2014 ông T lại tiếp tục tái diễn, thậm chí khi bà khuyên can thì còn bị ông Tđánh đập. Vì vậy, năm 2015 bà đã về nhà cha mẹ đẻ sống đến nay. Nay vợ chồng bà không còn tình cảm và không còn quan tâm đến nhau. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Ngọc T.

- Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung tên Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 12/3/2010 và Trần Ngọc T, sinh ngày 02/8/2012, các con do ông T chăm sóc từ nhỏ nên bà đồng ý giao con cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà và ông T không có tài sản chung và không có nợ chung.

* Tại phiên tòa, bà Trần Thị Kim Y có đơn xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc.

* Bị đơn là ông Trần Ngọc T: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại các phiên tòa sơ thẩm, ông T đã được triệu tập hợp lệ theo quy định nhưng không có mặt; không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:*

-Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý vụ án đến giai đoạn xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết, xác định đúng quan hệ pháp luật, người tham gia tố tụng, đảm bảo thời hạn xét xử; Thư ký đã thực hiện đúng việc cấp, tống đạt các văn bản tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 không có kiến nghị gì;

-Về nội dung: Đề nghị Tòa án nhân dân Quận 6 chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1. Về tố tụng: Vụ án thuộc trường hợp ly hôn theo yêu cầu của một bên theo quy định tại Điều 56 Luật HNGĐ 2014; Bị đơn có nơi cư trú tại Quận 6. Do đó, Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Trần Thị Kim Y có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông Trần Ngọc T đã được tống đạt hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.]

[2. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Kim Y và ông Trần Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104 quyển số 01-2008 ngày 19/7/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh) nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn, theo bà Y trình bày là do ông T nhiều lần có tình cảm với người phụ nữ khác, khi vợ khuyên nhủ thì còn có hành vi bạo hành với vợ, con. Bà đã nhiều lần tha thứ nhưng tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay. Nay vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm đến nhau nữa nên không thể tiếp tục cuộc sống hôn nhân.

Tòa án đã triệu nhiều lần để hòa giải, tạo điều kiện cho vợ chồng bà Y, ông Ttìm biện pháp hợp lý để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng, giúp gia đình đoàn tụ nhưng ông Tkhông tham gia hòa giải.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Y và ông T đều vắng mặt. Điều đó chứng tỏ các đương sự không còn tha thiết việc hòa giải đoàn tụ với nhau. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải giữa các đương sự.

Xét mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bị đơn từ chối việc tham gia hòa giải và đồng ý ly hôn tại Tòa án nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp, có căn cứ.

- Về con chung: Bà Trần Thị Kim Y và ông Trần Ngọc T có 02 con chung tên Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 12/3/2010 và Trần Ngọc T, sinh ngày 02/8/2012, các con hiện đang sống chung với ông Tín, các con do ông T chăm sóc từ nhỏ nên bà Y đồng ý giao con cho ông T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Trần Thị Kim Y có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Trần Ngọc T. Bà Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.; trường hợp bà Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông Tthì ông Tcó quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Y.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người

trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Kim Y tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Kim Y về việc yêu cầu ly hôn đối với ông Trần Ngọc T.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị Kim Y và ông Trần Ngọc T chấm dứt; Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 104 quyển số 01-2008 ngày 19/7/2008 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Bà Trần Thị Kim Y và ông Trần Ngọc T không còn hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Ngọc T trực tiếp chăm sóc, trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ Trần Ngọc Anh T, sinh ngày 12/3/2010 và trẻ Trần Ngọc T, sinh ngày 02/8/2012 cho đến khi thành niên.

Bà Y trình bày việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà Trần Thị Kim Y có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với ông Trần Ngọc T. Bà Y có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.; trường hợp bà Y lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của ông T thì ông T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của bà Y.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết đôi bên được quyền yêu cầu thay đổi người

trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Kim Y tự trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Kim Y phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0029244 ngày 22/5/2018 của Chi Cục Thi hành án Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh. Ghi nhận bà Trần Thị Kim Y đã đóng đủ tiền án phí.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh(01);
- VKSND Quận 6 (2);
- Chi Cục Thi hành án dân sự Quận 6 (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu VP (3), HSVA (2);

Lê Thị Tú